

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 327/2024/DS-PT

Ngày 26 - 11 - 2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán:

Ông Lê Tự

Ông Vũ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký, Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở **Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2043/2024/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Nguyễn Văn Q. Địa chỉ: Số A đường B, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T. Địa chỉ: Số A đường K, phường P, thành phố P; tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Anh Vũ Thành T1. Địa chỉ: Tổ A, phường Y, thành phố P; tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung P. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G.** Địa chỉ: Số A đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Chu Đức T2** - Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: **Số E đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.**

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Mai Văn H** - Trưởng phòng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P**, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Q.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn trình là ông **Nguyễn Văn Q** và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Lê Văn T** trình bày:*

Ông **Nguyễn Văn Q** là công nhân viên của **Công ty L1** thuộc **B.**

Ngày 25-2-1992, ông **Nguyễn Văn Q** được **Công ty L1** ra quyết định cấp 1 lô đất kích thước dài 25 mét, rộng 8 mét, diện tích 200 m² tại **tổ A, phường Y, thành phố P** theo sơ đồ quy hoạch đất đai của đơn vị.

Sau khi được cấp đất, anh **Nguyễn Văn Q** đã sử dụng và canh tác.

Đến ngày 10-12-1994, ông **Nguyễn Văn Q** làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, được **xã B, thị xã P** xét duyệt ngày 15-12-1994. Sau đó ông **Nguyễn Văn Q** gửi đến **Ủy ban nhân dân tỉnh G** và **Ủy ban nhân dân thị xã P** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ 1 A, thửa số 204 C, xứ đồng **thôn A**, diện tích 200 m², loại ruộng đất thổ cư, nguồn gốc đất cấp. Ông **Nguyễn Văn Q** đã trồng cây ngắn ngày như mì và chuối, **Ủy ban nhân dân thị xã P** đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Văn Q**. Do đi làm ăn xa, nên bị thất lạc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong cùng khu vực đất của ông **Nguyễn Văn Q**, các hộ dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với ông **Nguyễn Văn Q**.

Năm 1998, do sắp xếp lại doanh nghiệp, ông **Nguyễn Văn Q** thuộc diện nghỉ việc theo chế độ 176; vì không có công ăn việc làm, nên ông **Nguyễn Văn Q** phải đi tìm kiếm việc làm, đi vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Khi quay trở về **thành phố P** thì ông **Nguyễn Văn Q** thấy lô đất trên đã xây dựng Hội trường **tổ dân phố A, phường Y, thành phố P**; ông **Nguyễn Văn Q** có hỏi một số người xung quanh là tại sao đất của ông **Nguyễn Văn Q** lại xây **tổ dân phố** thì mọi người trả lời là không rõ, có gì thì hỏi chính quyền địa phương. Vì làm ăn xa xôi, không có thời gian liên hệ với chính quyền địa phương và quá trình thu hồi đất của anh **Nguyễn Văn Q** để cấp cho **Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P**, ông **Nguyễn Văn Q** cũng không biết và các cơ quan chức năng không thông báo cho ông **Nguyễn Văn Q** lý do nào đất của ông **Nguyễn Văn Q** đang sử dụng lại cấp cho **Ủy ban nhân dân phường Y**.

Ông Nguyễn Văn Q được biết giá trị của tài sản trên có giá là 400.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Q đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết những vấn đề sau:

Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng nhà đất số CD 787522 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 11-5-2016 tại thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích 260,2 m² và buộc Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P trả lại diện tích đất theo kết quả đo đạc tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án thực hiện ngày 2-2-2024 là 197,7 m².

Bị đơn là Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, do ông Trần Đại T3 làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất tại Hội trường Tổ dân phố A, phường Y, Ủy ban nhân dân phường Y có đầy đủ giấy tờ pháp lý gồm:

- Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 có Quyết định số 361/QĐ-BĐ ngày 28-11-2006 về việc cấp đất xây dựng Hội trường cho tổ dân phố A, phường Y.

Tại thời điểm đại diện tổ dân phố 10 nhận đất thì hiện trạng vẫn là hố rác, trũng sâu nằm trong khuôn viên Nhà máy K.

Sau đó, nhân dân tổ dân phố 10 đã cùng dọn dẹp, san lấp lại mặt bằng để xây dựng Hội trường; công trình Hội trường được xây dựng với kinh phí xã hội hoá từ nguồn đóng góp của nhân dân và một số cơ quan, đơn vị thuộc Binh đoàn B.

Hội trường tổ dân phố 10 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787522 ngày 11-5-2016 (thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích là 260,2 m²) và hệ thống bản đồ địa chính năm 2004 đã chỉnh lý.

Về phía anh Nguyễn Văn Q:

Quyết định cấp đất của anh Nguyễn Văn Q không thể hiện số hiệu và Điều 2 của quyết định này quy định “nếu sử dụng không đúng mục đích và thời gian đúng 06 tháng kể từ ngày ký quyết định đơn vị sẽ thu hồi”.

Qua các tài liệu, chứng cứ liên quan như hệ thống bản đồ địa chính năm 1996, năm 2004; giấy tờ sử dụng đất của các hộ lân cận, hồ sơ quy hoạch chi tiết, xây dựng khu nhà ở quân đội của Binh đoàn 15 năm 2010, bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 và năm 2019, đều không thể hiện quá trình sử dụng đất của anh Nguyễn Văn Q.

Ủy ban nhân dân phường Y khẳng định quỹ đất Hội trường tổ dân phố 10 là một trong những tài sản công, do Ủy ban nhân dân phường Y quản lý.

Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q là không có căn cứ nên Ủy ban nhân dân phường Y không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Tại văn bản đề ngày 7-12-2023, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G trình bày:

Căn cứ vào Sơ đồ vị trí thửa đất do Ủy ban nhân dân thành phố P lập ngày 19-11-2013 (chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân phường Y, sử dụng vào mục đích làm Hội trường tổ dân phố 10), xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Y tại Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân phường Y (thời điểm sử dụng đất năm 2003, phù hợp với quy hoạch, không tranh chấp, kê khai phù hợp hiện trạng), Báo cáo kết quả rà soát hiện trạng quỹ đất đang quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân phường Y và căn cứ Điều 102 Luật đất đai 2013, Điều 25 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước đang sử dụng đất, Văn phòng Đăng ký đất đai đã lập thủ tục trình cấp thẩm quyền cấp cho Ủy ban nhân dân phường Y 787522 ngày 11-5-2016, là đúng quy định.

Do đó, Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q là không có cơ sở.

-Ủy ban nhân dân thành phố P do anh Mai Văn H làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ủy ban nhân dân phường Y đã xác minh về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của Hội trường tổ dân phố 10 của phường Y, cụ thể:

Năm 2006, Bộ B cấp đất tại khu vực Nhà máy K- Binh đoàn B cho tổ dân phố A xây dựng Hội trường tổ dân phố A, phường Y.

Ủy ban nhân dân phường Y đã xây dựng Hội trường tổ dân phố 10 và sử dụng từ đó đến nay.

Năm 2016, Ủy ban nhân dân phường Y đã đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối đất trên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787522 ngày 11-5-2016 tại thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích 260.2 m².

Công trình hội trường tổ dân phố 10 (Cấp IV), diện tích xây dựng: 115,45m², diện tích sàn: 115,45m². Công trình được xây dựng với kinh phí xã hội hoá từ nguồn đóng góp của nhân dân và một số cơ quan đơn vị trực thuộc Binh đoàn 15. Hiện nay, vị trí đất Hội trường tổ dân phố 10 vẫn được sử dụng đúng mục đích: Đất sinh hoạt cộng đồng.

Ông Nguyễn Văn Q từ trước đến nay không có sử dụng diện tích đất này, không có giấy tờ hợp pháp đối với diện tích đất trên. Do đó, không có quyền sử dụng đối với diện tích đất này.

Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q là không có cơ sở, nên Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 34 Luật Tổ tụng hành chính

Áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 106 Luật đất đai 2013

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh **Nguyễn Văn Q** về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng nhà đất số CD 787522 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp ngày 11-5-2016 cho **Ủy ban nhân dân phường Y** tại thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích 260,2 m² và buộc **Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P** trả lại 197,7 m² đất tại **tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông **Nguyễn Văn Q** là nguyên đơn trong vụ án, có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông **Q** cho rằng, các văn bản của **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P**; của **Công ty L1** thuộc **Bộ B** không đề cập và làm rõ về thửa đất tranh chấp, việc Bộ tư lệnh binh đoàn 15 cấp đất cho **Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P** là trái quy định của Luật đất đai năm 1993, thửa đất 204 C cấp cho ông **Q** nằm cạnh thửa 204 B của bà **Nguyễn Thị L**, có ông **Vũ Văn P1** làm chứng về thửa đất cấp cho ông **Q**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Lê Văn T** và ông **Vũ Thành T1** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Văn Q**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông **Nguyễn Văn Q**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Kháng cáo của ông **Nguyễn Văn Q** là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên đơn, ông **Nguyễn Văn Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân phường Y phải trả lại 197,7 m² (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CD 787522 ngày 11-5-2016 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp cho Ủy ban nhân dân (UBND) phường Y. Trong quá trình khởi kiện, ông Q cung cấp bản photo copy quyết định không có số, ghi ngày 25-2-1992, có nội dung là Công ty L1, Binh đoàn 15 cấp cho ông **Nguyễn Văn Q** thửa đất dài 25 mét, rộng 8 mét, diện tích 200 m² và bản photo copy “Đơn đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 10-12-1994 có xác nhận của UBND xã B, thị xã P (nay là thành phố P, tỉnh Gia Lai).

[2.2] Xem xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất có tranh chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, tại tổ dân phố A, phường Y, trước năm 2006 là đất quốc phòng do Bộ B quản lý, sử dụng. Năm 2006, Bộ B cấp đất cho Tổ dân phố 10 xây dựng Hội trường tổ dân phố A, phường Y. Ủy ban nhân dân phường Y đã xây dựng Hội trường tổ dân phố 10 và sử dụng. Công trình hội trường tổ dân phố 10 (Cấp IV), diện tích xây dựng: 115,45m², diện tích sàn: 115,45m², được xây dựng từ nguồn đóng góp của nhân dân và một số cơ quan đơn vị trực thuộc Binh đoàn 15. Hiện nay, vị trí đất được sử dụng vào mục đích: Đất sinh hoạt cộng đồng. Năm 2016, Ủy ban nhân dân phường Y đã đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất nói trên và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787522 ngày 11-5-2016 tại thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích 260.2 m².

[2.3] Theo trình bày của ông **Nguyễn Văn Q** cho rằng, năm 1992, Công ty L1, Binh đoàn B đã có quyết định cấp cho ông Q lô đất diện tích 200 m² (dài 25 mét, rộng 8 mét) tại vị trí thửa đất số 50A nêu trên, sau đó, ông Q đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã P xét duyệt ngày 15-12-1994 và đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh G và Ủy ban nhân dân thị xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 204 C, thuộc tờ bản đồ 1A, xứ đồng thôn A, diện tích 200 m², sau khi được cấp đất, ông Q đã trồng cây ngắn

ngày như mì và chuối, Ủy ban nhân dân thị xã P đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q nhưng đã bị thất lạc.

[2.4] Ngày 18/10/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Công văn số 6115/CV-TA yêu cầu UBND phường Y phối hợp cung cấp hồ sơ thửa số 204 C, thuộc tờ bản đồ 1A, xứ đồng thôn A, nhưng theo kết quả trả lời thì không có dữ liệu về tờ bản đồ 1A trong hệ thống bản đồ của xã B, thành phố P, cũng như thông tin về thửa đất số 204C.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Với những tài liệu, chứng cứ ông Q đã cung cấp cho Tòa án là những bản sao không có giá trị chứng minh, tại bản photo copy Quyết định cấp đất không có số, cũng không được Công ty L1, Binh đoàn B là cơ quan cấp giấy thừa nhận, vị trí, giới cận lô đất không được xác định cụ thể, tại bản photocopy “Đơn đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 10-12-1994 của ông Nguyễn Văn Q cung cấp tuy có UBND xã B xác nhận, nhưng cũng chỉ là bản sao, về hồ sơ địa chính đang lưu trữ có trong hồ sơ vụ án thì không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông trình bày, trên đất thì không có tài sản gì của ông Q và không chứng minh được quá trình sử dụng đất, tại hệ thống Bản đồ địa chính năm 1996 và năm 2004, lại không thể hiện chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Q, mặc khác, thông tin về thửa đất số 204C và dữ liệu về tờ bản đồ 1A không có trong hệ thống bản đồ của xã B, thành phố P. Theo ông Q trình bày, thửa đất số 204C cấp cho ông Q tiếp giáp thửa đất 204B cấp cho bà Nguyễn Thị L nhưng theo các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện thửa đất Công ty L1, Binh đoàn B cấp năm 1995 cho bà Nguyễn Thị L (thửa số 19) giáp khu sân phơi nhà máy phân vi sinh mà không thể hiện giáp đất của ông Q yêu cầu.

Như vậy, việc ông Q cung cấp tài liệu chứng cứ không đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q, giữ nguyên Bản án sơ thẩm

[4] Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Q**, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 106 Luật đất đai 2013

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn Q** về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787522 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G** cấp ngày 11-5-2016 cho **Ủy ban nhân dân phường Y** tại thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 05, diện tích 260,2 m² và buộc **Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P** trả lại 197,7 m² đất tại **tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai**.

2. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Ông **Nguyễn Văn Q** phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000081 ngày 04/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trương Công Thi